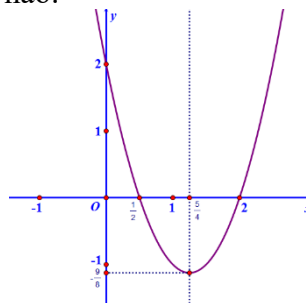


## NHẬN DẠNG ĐỒ THỊ HÀM SỐ BẬC 2- ĐỒ THỊ TRỊ TUYỆT ĐỐI

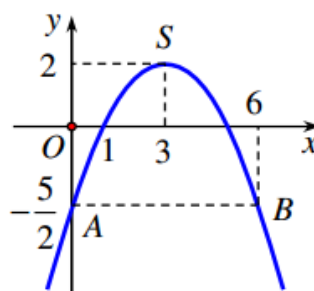
**Câu 1.** [0D2-1] Đồ thị phía bên đây là của hàm số nào:

- A.  $y = 2x^2 - 5x + 2.$
- B.  $y = -2x^2 + 5x + 2.$
- C.  $y = x^2 - 5x + 2.$
- D.  $y = 4x^2 - 5x + 2.$



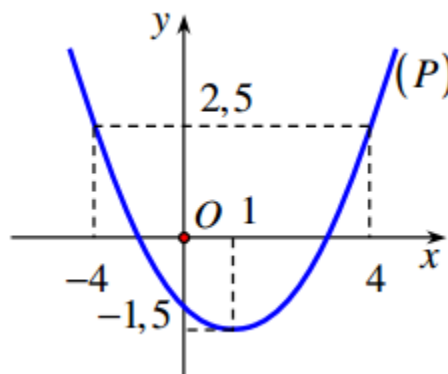
**Câu 2.** [0D2-1] Đường cong (P) trong hình vẽ bên là đồ thị của hàm số nào:

- A.  $y = -\frac{x^2}{2} + 3x - \frac{5}{2}.$
- B.  $y = -x^2 + 6x - 5.$
- C.  $y = -\frac{3x^2}{2} + 6x - \frac{5}{2}.$
- D.  $y = -\frac{x^2}{2} + 4x - \frac{5}{2}.$



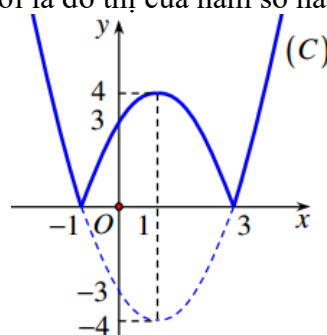
**Câu 3.** [0D2-1] Đường cong (P) trong hình vẽ bên là đồ thị của hàm số nào:

- A.  $y = x^2 - 2x - 3.$
- B.  $y = \frac{x^2 - x - 3}{2}.$
- C.  $y = \frac{x^2 + 2x - 3}{2}.$
- D.  $y = \frac{x^2}{2} - x - \frac{3}{2}.$



**Câu 4.** [0D2-2] Đường cong (P) trong hình vẽ dưới là đồ thị của hàm số nào:

- I.  $y = |x^2 - 2x - 3|$
- II.  $y = |-x^2 + 2x - 3|$
- III.  $y = |-x^2 + 2x + 3|$



A. Chỉ I.

B. Chỉ II.

C. Chỉ I và II. D. Chỉ I và III.

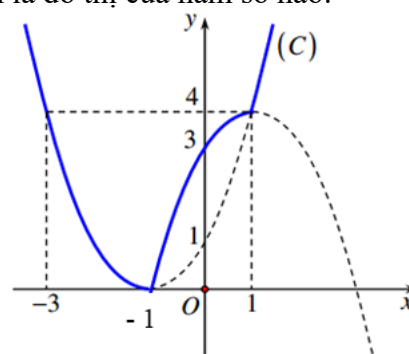
**Câu 5.** [0D2-2] Đường cong (P) trong hình vẽ bên là đồ thị của hàm số nào:

A.  $y = |x^2 - 1| + 2x + 2$ .

B.  $y = |x^2 - 1| - 2x + 2$ .

C.  $y = |x^2 + 2x| - 4x + 3$ .

D.  $y = |x^2 - 2x| + 4x - 2$ .



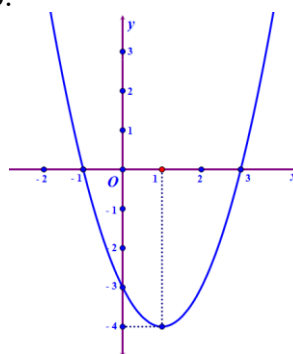
**Câu 6.** [0D2-1] Đồ thị phía bên là của hàm số nào:

A.  $y = x^2 - 2x - 3$ .

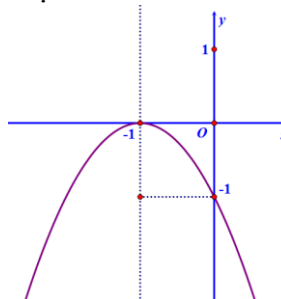
B.  $y = -x^2 + 2x - 3$ .

C.  $y = 5x^2 - 2x - 3$ .

D.  $y = 2x^2 - 4x - 3$ .



**Câu 7.** [0D2-1] Hình vẽ dưới đây là đồ thị của hàm số nào?



A.  $y = -(x+1)^2$ .

B.  $y = 2(x+1)^2$ .

C.  $y = (x+1)^2$ .

D.  $y = -(x-1)^2$ .

**Câu 8.** [0D2-1] Cho parabol (P):  $y = ax^2 + bx + c$  có đồ thị như hình bên.

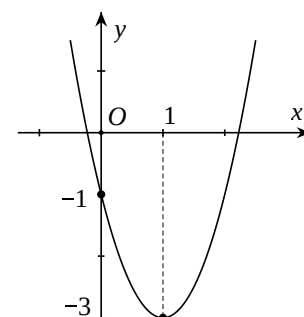
Phương trình của parabol này là:

A.  $y = 2x^2 - 4x - 1$

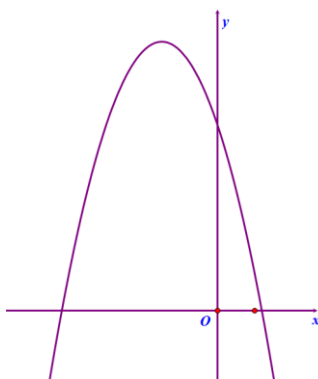
B.  $y = 2x^2 + 3x - 1$

C.  $y = 2x^2 + 8x - 1$

D.  $y = 2x^2 - x - 1$

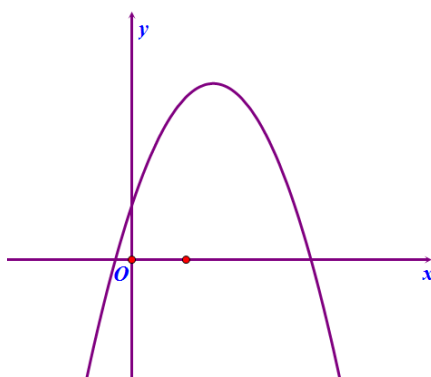


**Câu 9.** [0D2-2] Cho parabol (P):  $y = ax^2 + bx + c$  có đồ thị như hình dưới. Khi đó,



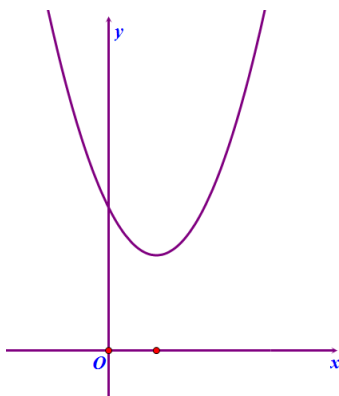
**A.**  $a < 0, b < 0, c > 0$ . **B.**  $a < 0, b > 0, c > 0$ . **C.**  $a > 0, b < 0, c > 0$ . **D.**  $a < 0, b = 0, c < 0$ .

**Câu 10.** [0D2-2] Cho parabol  $(P): y = ax^2 + bx + c$  có đồ thị như hình dưới. Khi đó,



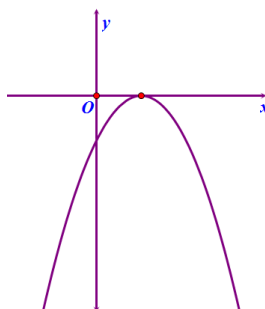
**A.**  $a < 0, b < 0, c > 0$ . **B.**  $a < 0, b > 0, c > 0$ . **C.**  $a > 0, b < 0, c > 0$ . **D.**  $a < 0, b = 0, c < 0$ .

**Câu 11.** [0D2-2] Cho parabol  $(P): y = ax^2 + bx + c$  có đồ thị như hình dưới. Khi đó,



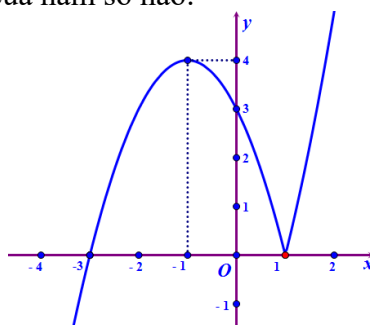
**A.**  $a > 0, b < 0, c < 0$ . **B.**  $a > 0, b > 0, c > 0$ . **C.**  $a > 0, b < 0, c > 0$ . **D.**  $a < 0, b = 0, c > 0$ .

**Câu 12.** [0D2-2] Cho parabol  $(P): y = ax^2 + bx + c$  có đồ thị như hình dưới. Khi đó,



**A.**  $a > 0, b = 0, c > 0$ . **B.**  $a < 0, b > 0, c < 0$ . **C.**  $a < 0, b = 0, c < 0$ . **D.**  $a < 0, b = 0, c > 0$ .

**Câu 13.** [0D2-3] Đồ thị dưới đây là của hàm số nào:



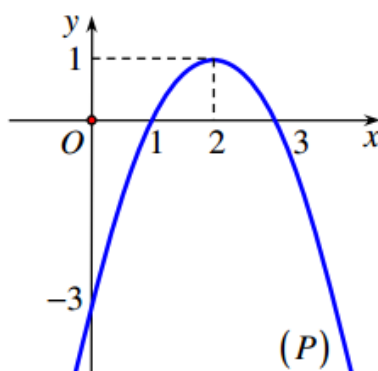
**A.**  $y = \begin{cases} -x+1 & \text{neu } x < 1 \\ -x^2 - 2x + 3 & \text{neu } x \geq 1 \end{cases}$ .

**B.**  $y = \begin{cases} x^2 + 2x - 3 & \text{neu } x \geq 1 \\ -x^2 - 2x + 3 & \text{neu } x < 1 \end{cases}$ .

**C.**  $y = |x^2 + 2x - 3|$ .

**D.**  $y = x^2 + 2|x| - 3$ .

**Câu 14.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = -x^2 + 4x - 3$  dưới đây. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) > 0$  là:



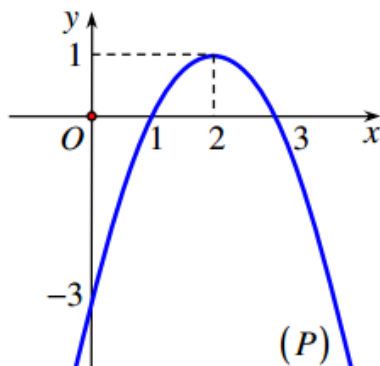
**A.**  $1 < x < 3$ .

**B.**  $1 \leq x \leq 3$ .

**C.**  $x < 1; x > 3$ .

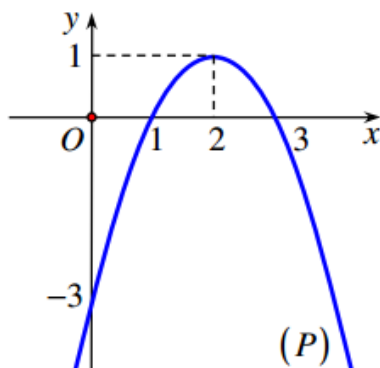
**D.**  $x \geq 3$ .

**Câu 15.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = -x^2 + 4x - 3$  dưới đây. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) \geq 0$  là:



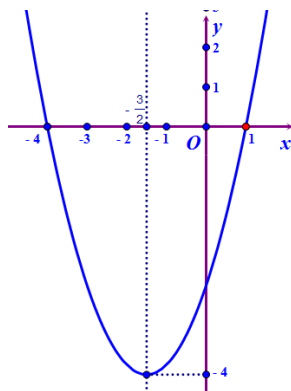
- A.  $1 < x < 3$ .      B.  $1 \leq x \leq 3$ .      C.  $x < 1; x > 3$ .      D.  $x \geq 3$ .

**Câu 16.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = -x^2 + 4x - 3$  dưới đây. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) < 0$  là:



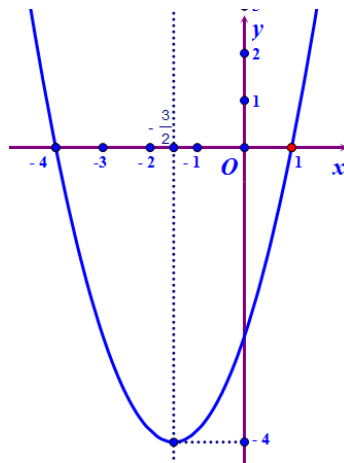
- A.  $1 < x < 3$ .      B.  $1 \leq x \leq 3$ .      C.  $x < 1; x > 3$ .      D.  $x \geq 3$ .

**Câu 17.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = x^2 + 3x - 4$  dưới đây. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) \geq 0$  là:



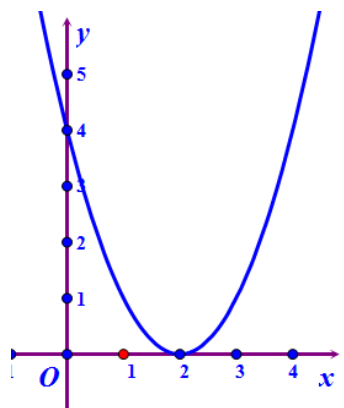
- A.  $-4 < x < 1$ .      B.  $x \leq -4; x \geq 1$ .      C.  $x < -4; x > 1$ .      D.  $x \geq 1$ .

**Câu 18.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = x^2 + 3x - 4$  dưới đây. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) < 0$  là:



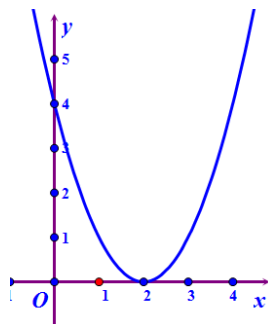
- A.  $-4 < x < 1$ .      B.  $x \leq -4; x \geq 1$ .      C.  $x < -4; x > 1$ .      D.  $x \geq 1$ .

**Câu 19.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 4$  dưới đây. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) < 0$  là:



- A.  $x \in \emptyset$ .      B.  $x \geq 2$ .      C.  $x \geq 0$ .      D.  $x \in \mathbb{R}$ .

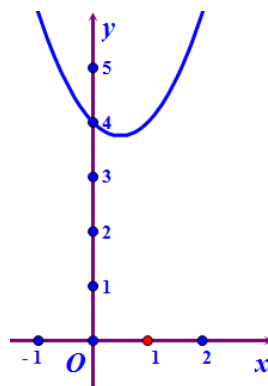
**Câu 20.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = x^2 - 4x + 4$  dưới đây. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) \geq 0$  là:



- Câu 21.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = x^2 - x + 4$  bên. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) > 0$  là:

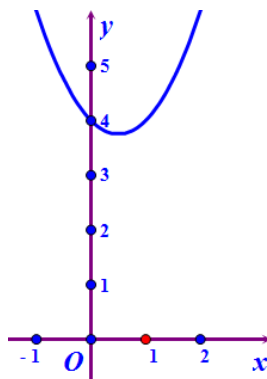
A.  $x \in \emptyset$ .      B.  $x \geq 2$ .      C.  $x \geq 0$ .      D.  $x \in \mathbb{R}$ .

- A.  $x \in \emptyset$ .  
B.  $x \geq 2$ .  
C.  $x \geq 0$ .  
D.  $x \in \mathbb{R}$ .



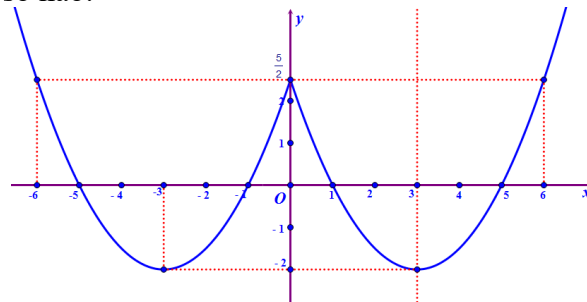
- Câu 22.** [0D2-1] Gọi  $(P)$  là đồ thị của hàm số  $f(x) = x^2 - x + 4$  phía bên. Tập hợp các giá trị của  $x$  sao cho  $f(x) \leq 0$  là:

- A.  $x \in \emptyset$ .  
B.  $x \geq 2$ .  
C.  $x \geq 0$ .  
D.  $x \in \mathbb{R}$ .



- Câu 23.** [0D2-3] Đồ thị phía bên là của hàm số nào:

- A.  $y = \frac{1}{2}x^2 - 3x + \frac{5}{2}$ .  
B.  $y = -\frac{1}{2}x^2 + 2|x| + \frac{5}{2}$ .  
C.  $y = -\frac{1}{2}x^2 - 7|x| + \frac{5}{2}$ .



D.  $y = \frac{1}{2}x^2 - 3|x| + \frac{5}{2}$ .

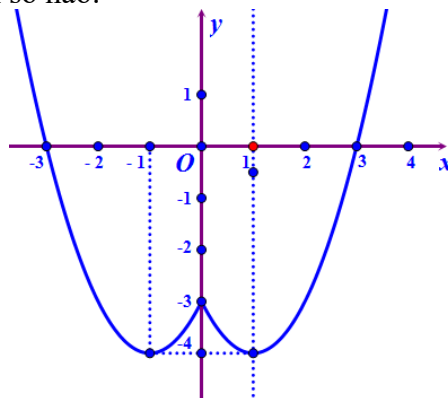
Câu 24. [0D2-2] Đồ thị phía bên đây là của hàm số nào:

A.  $y = x^2 - 2|x| - 3$ .

B.  $y = -x^2 + 2|x| - 3$ .

C.  $y = |x^2 + 2x - 3|$ .

D.  $y = |x^2 - 2x - 3|$ .



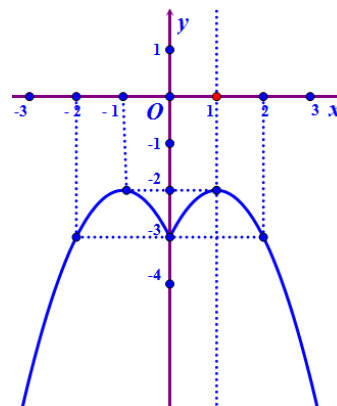
Câu 25. [0D2-2] Đồ thị bên là của hàm số nào:

A.  $y = x^2 - 2|x| - 3$ .

B.  $y = -x^2 + 2|x| - 3$ .

C.  $y = |x^2 + 2x - 3|$ .

D.  $y = |x^2 - 2x - 3|$ .



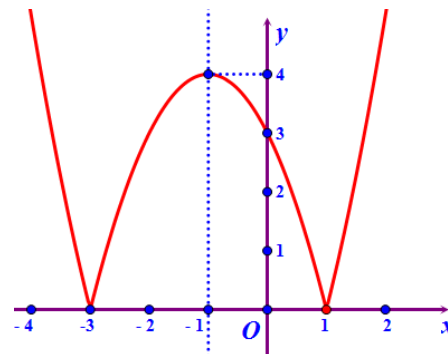
Câu 26. [0D2-2] Đồ thị bên là của hàm số nào:

A.  $y = 5x^2 - 2|x| - 7$ .

B.  $y = -\frac{1}{2}x^2 + 2|x| - 3$ .

C.  $y = |x^2 + 2x - 3|$ .

D.  $y = |x^2 - 2x - 3|$ .



Câu 27. [0D2-2] Đồ thị bên là của hàm số nào:

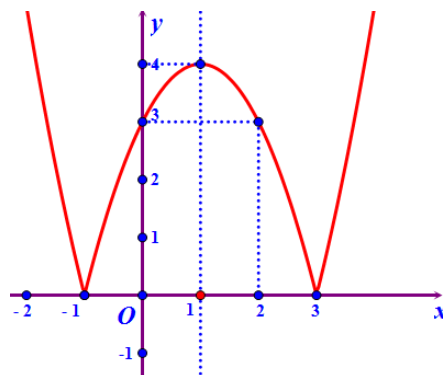


A.  $y = 5x^2 - 2|x| - 7$ .

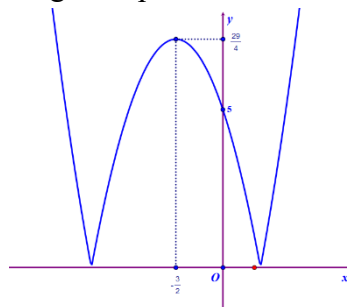
B.  $y = -\frac{1}{2}x^2 + 2|x| - 3$ .

C.  $y = |x^2 + 2x - 3|$ .

D.  $y = |x^2 - 2x - 3|$ .



**Câu 28.** [0D2-1] Cho hàm số  $y = f(x)$  có đồ thị như hình dưới. Tìm tất cả các giá trị của  $m$  để phương trình  $f(x) = m$  có 4 nghiệm phân biệt.



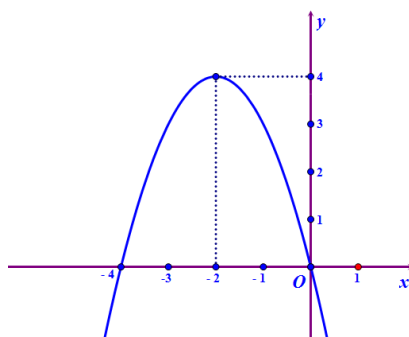
A.  $0 < m < \frac{29}{4}$ .

B.  $m = 5$ .

C.  $m < 0$ .

D.  $\begin{cases} m < 0 \\ m > \frac{29}{4} \end{cases}$

**Câu 29.** [0D2-1] Cho hàm số  $y = f(x)$  có đồ thị như hình dưới. Tìm tất cả các giá trị của  $m$  để phương trình  $f(x) = m$  có 2 nghiệm phân biệt.



A.  $m < 4$ .

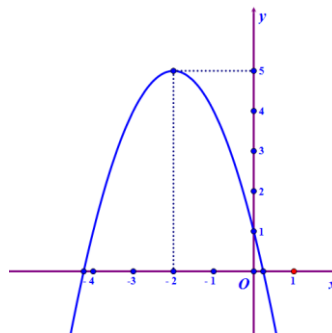
B.  $m = 4$ .

C.  $m = 0$ .

D.  $m > 4$ .

**Câu 30.** [0D2-1] Cho hàm số  $y = f(x)$  có đồ thị như hình bên. Tìm tất cả các giá trị của  $m$  để phương trình  $f(x) = m$  có 1 nghiệm.

- A.  $m = 5$ .
- B.  $m < 5$ .
- C.  $m = 0$ .
- D.  $m < 0$ .



**Câu 31.** [0D2-1] Cho hàm số  $y = f(x)$  có đồ thị như hình bên. Tìm tất cả các giá trị của  $m$  để phương trình  $f(x) = m$  vô nghiệm.

- A.  $m < -3$ .
- B.  $m > -3$ .
- C.  $m = 0$ .
- D.  $m > -3$ .

